

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng
công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số chức năng giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1) của Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên họp ngày 28 tháng 11 năm 2023 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1) đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định họp ngày 28 tháng 11 năm 2023 (kèm theo Công văn số 85/BQLĐTHT ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên);

Xét Báo cáo số 933/BC-STNMT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1) của Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Tờ trình số 01/TTr-STNMT ngày 02 tháng 01 năm 2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1) (sau đây gọi tắt là Dự án) của Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan kiểm tra, giám sát Chủ dự án thực hiện Quyết định này và các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh. *(trần)*

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các sở: TNMT, NNPTNT, KHĐT, XD;
- UBND huyện Phú Hòa;
- UBND xã Hòa Quang Bắc;
- BQL KNN ứng dụng CNC;
- BQL ĐHTT KNN ứng dụng CNC;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, To, Thy.

KT. CHỦ TỊCH *(chữ)*
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Thị Nguyên Thảo

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ CAO PHÚ YÊN (GIAI ĐOẠN 1)

(Kèm theo Quyết định số: **39** /QĐ-UBND ngày **01** tháng **01** năm **2024**
của UBND tỉnh Phú Yên)

I. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Đầu tư cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên (giai đoạn 1).
- Địa điểm thực hiện: Xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô công suất:

Dự án được xây dựng với diện tích 66,45ha. Trong đó: Diện tích đã đầu tư xây dựng 29,8ha và diện tích bổ sung 36,65ha (theo Nghị quyết số 60/QĐ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

a) Hạng mục công trình Dự án gồm:

- Các hạng mục đã đầu tư xây dựng: Hệ thống thủy lợi Lỗ Chài 1, hệ thống đường giao thông trục chính, khu tái định cư, hệ thống điện (đợt 1).
- Các hạng mục đầu tư điều chỉnh, bổ sung: Hệ thống xử lý nước thải công suất 300m³/ngày đêm (điều chỉnh từ 4.000m³/ngày đêm xuống 300m³/ngày đêm); hồ điều tiết chống hạn 01; các tuyến đường giao thông nhánh phụ, hệ thống cấp điện (đợt 2) và cổng chính khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Ngoài các hạng mục nêu trên, các hạng mục đầu tư khác không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án.

b) Hoạt động của Dự án:

- Hoạt động thi công xây dựng: Các tuyến đường giao thông nhánh phụ; thi công xây dựng hồ điều tiết chống hạn 01; thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải... phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn, nước thải sinh hoạt.
- Giai đoạn hoạt động: Vận hành hệ thống xử lý nước thải, phương tiện vận chuyển... phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, chất thải rắn và nước thải...

1.4. Các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Khu vực Dự án hiện trạng là đất lúa 01 vụ (diện tích đất lúa đang bỏ hoang), do đó việc thu hồi đất lúa có phần ảnh hưởng tác động đến sinh kế, việc làm, thu nhập của người dân. Khu vực Dự án không thuộc khu chức năng bảo vệ nghiêm ngặt đất lúa vì an ninh lương thực.

II. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động thi công xây dựng: Các tuyến đường giao thông nhánh phụ; thi công xây dựng hồ điều tiết chống hạn 01; thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải... phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá đào, đắp...phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn.

- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải, phương tiện vận chuyển... phát sinh bụi, tiếng ồn, mùi, khí thải, chất thải rắn và nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt...

III. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, với khối lượng khoảng 01m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu chứa các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

+ Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình rửa nguyên vật liệu xây dựng; nước vệ sinh thiết bị thi công; nước tưới ẩm... với khối lượng khoảng 01m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là bùn đất, cát sạn, các chất lơ lửng, các chất vô cơ, dầu mỡ...

+ Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng khoảng 14.376l/s; chủ yếu gồm các chất lơ lửng bị nước mưa cuốn trôi...

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, với khối lượng khoảng 0,8m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu chứa các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

+ Nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với khối lượng nước thải phát sinh khoảng 225m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là COD, BOD, các chất lơ lửng, Coliform...

+ Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng khoảng 14.376l/s; chủ yếu gồm các chất lơ lửng bị nước mưa cuốn trôi...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đào đắp, thi công các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu, đất đào đắp; bụi, khí thải từ các phương tiện, máy móc thi công xây dựng công trình.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung...

3.2. Quy mô tính chất của chất thải rắn và chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải từ hoạt động giải phóng mặt bằng: Trước khi thi công, khu vực Dự án chủ yếu là cây cỏ dại. Ước tính tổng khối lượng phát sinh từ hoạt động san ủi, dọn dẹp mặt bằng khoảng 1.014,8 m³/toàn dự án.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động xây dựng: Chủ yếu bao bì vật liệu xây dựng, vữa xi măng rơi vãi, đá vụn, sắt thép vụn... với tổng khối lượng khoảng 369,6kg/toàn dự án.

+ Đất đá thải từ hoạt động đào, đập tràn, tuyến ống, bãi vật liệu và đá nổ mìn... với tổng khối lượng 592.775,5m³/toàn dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chủ yếu thực phẩm, thức ăn thừa và túi nilon... với khối lượng khoảng 10kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: Chủ yếu giẻ lau dính dầu, pin... với khối lượng khoảng 02kg/toàn dự án.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Chất thải rắn phát sinh do hoạt động sản xuất kinh doanh của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (KCNC) gồm: Các loại phế thải từ nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất như lá cây cao lương và các loại cây nông nghiệp khác; các loại bao bì phế thải; hoạt động chăn nuôi và chế biến... Hiện nay xu hướng chung là tái sử dụng tối đa nguyên liệu để tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm và tăng khả năng tái sử dụng các chất thải rắn cho các mục đích khác nhau, góp phần giảm bớt khối lượng chất thải rắn phát sinh cũng như giảm tải ô nhiễm môi trường đối với chất thải rắn sản xuất, do đó hầu như các loại chất thải đều được các nhà máy tái sử dụng hoặc bán phế liệu. Khối lượng chất thải phát sinh tùy thuộc vào quy mô sản xuất của Dự án.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, nạo vét hồ ga của KCNC với khối lượng khoảng 51,96kg/ngày. Ngoài ra, bùn từ hoạt động nạo vét hồ ga với khối lượng khoảng 30kg bùn/cần/lần/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện thi công cơ giới: Máy đào, ủi, đầm nén, máy hàn, nổ mìn thi công hồ điều tiết chống hạn...

- Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn từ khu chăn nuôi, chế biến của các cơ sở sản xuất kinh doanh; phương tiện vận chuyển trong Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

3.4. Các tác động khác: Nước mưa chảy tràn có thể gây sạt lở, ngập úng cục bộ; sự cố sụt lún công trình; vỡ hồ, đuối nước.

IV. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải giai đoạn xây dựng:

- Biện pháp thu gom nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực lán trại và nhà điều hành để đáp ứng nhu cầu của công nhân. Khi đầy thuê đơn vị hút theo quy định. Sau khi kết thúc Dự án, Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công tháo dỡ, xử lý theo quy định.

- Biện pháp thu gom nước thải xây dựng: Hạn chế lượng nước thải trong quá trình trộn bê tông, tăng cường nhắc nhở công nhân thi công trên công trường ý thức, tiết kiệm sử dụng nước, không lãng phí.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa được xem như nước sạch, nước mưa dọc theo tuyến đường được thu gom vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCNC, phần còn lại nước mưa sẽ tự thấm xuống đất để bổ cập nguồn nước ngầm cho Dự án.

- Công trình xây dựng thu gom và xử lý nước thải: Không có.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại nước thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải giai đoạn hoạt động:

- Nước thải:

+ Các Nhà máy trong KCNC: Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh và xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) Quy chuẩn kỹ thuật nước thải công nghiệp sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của KCNC.

+ Chủ dự án: Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của các Nhà máy và đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1; Kf=1,1), sau đó thải ra suối Mốc. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải như sau:

Nước thải → Bể gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq=1; Kf=1,1). Bùn thải được thu gom qua bể chứa sau đó qua sân phơi bùn, bùn sau khi phơi sẽ được thu gom định kỳ và được xử lý đúng theo quy định.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (*quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*).

- Nước mưa chảy tràn:

+ Các Nhà máy trong KCNC: Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Nước mưa sau khi thu gom sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa chung của KCNC.

+ Chủ đầu tư: Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải sau đó thu gom nước mưa của các Nhà máy sau đó thải ra suối.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ nước thải, nước mưa được thu gom bảo đảm đáp ứng các, yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Công trình, biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải giai đoạn xây dựng:

- Biện pháp thu gom và xử lý bụi, khí thải:

+ Lập kế hoạch tiến độ thi công và bố trí nhân lực hợp lý, tránh chồng chéo giữa các công đoạn san ủi, vận chuyển đất san lấp, vận chuyển nguyên vật liệu.

+ Xe chuyên chở nguyên vật liệu phải được che phủ hợp lý và đảm bảo trong suốt quá trình vận chuyển. Trường hợp xảy ra tình trạng đổ, rơi vãi nguyên vật liệu trên đường trong quá trình vận chuyển phải tiến hành vệ sinh ngay.

+ Đối với các hoạt động vận chuyển cát, đất, đá, xi măng, sắt thép... có phát sinh bụi, tiến hành tưới nước trên tuyến đường thi công trong những ngày nắng nóng ít nhất 02 - 03 lần/ngày, đồng thời thực hiện che chắn xung quanh khu vực Dự án.

+ Tập kết, thu gom và vận chuyển nhanh các loại rác thải sinh hoạt đến khu vực quy định sau mỗi ngày làm việc để xử lý theo quy định.

+ Quy định vị trí đặt thùng rác cũng như nơi thu gom rác cụ thể. Nghiêm cấm các trường hợp gây ô nhiễm môi trường tại khu vực Dự án.

- Công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải: Không có.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác liên quan.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu ô nhiễm bụi và khí thải từ hoạt động giao thông: Khi lưu thông trên đường phải chạy đúng theo vận tốc quy định để giảm thiểu tối đa bụi và khí thải cho khu vực dân cư sống hai bên đường; các loại xe vận tải phải đạt tiêu chuẩn quy định về đăng kiểm mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn về môi trường mới được phép hoạt động phục vụ công tác vận chuyển; tăng cường trồng nhiều cây xanh để góp phần hạn chế ô nhiễm phát tán ra khu vực xung quanh và có tác dụng hấp thụ bớt bụi và các loại khí.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, mùi trong quá trình sản xuất của các Nhà máy: Tùy thuộc vào công nghệ sản xuất của từng Nhà máy trong KCN đều có các giải pháp giảm thiểu và tự trang bị hệ thống xử lý khí thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Thường xuyên nạo vét các tuyến ống thu gom nước thải; kiểm tra, giám sát, vận hành và kiểm soát nước thải hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm tránh sự cố xảy ra gây mùi hôi ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN.

- Công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải: Không có.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác liên quan.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn:

a) Công trình, biện pháp quản lý giai đoạn xây dựng:

- Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Tiến hành phân loại, tái chế chất thải, thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý đúng theo quy định.

- Biện pháp quản lý chất thải xây dựng:

+ Đối với gạch vỡ, bê tông thải, vật liệu thải... được thu gom và tái sử dụng để san lấp mặt bằng. Vỏ bao xi măng, phế liệu sắt thép được thu gom riêng rồi đem bán hoặc cho người mua phế liệu. Sau khi hoàn thành công trình, khối lượng đất, cát, đá đã dùng, lán trại... để phục vụ thi công phải được dọn dẹp hoàn trả mặt bằng.

+ Đối với đất đào, đắp: Tổng khối lượng đất, đá đào, đắp tràn, tuyến ống, bãi vật liệu và đá nổ mìn lòng hồ 592.775,5m³. Trong đó lượng đất, đá sử dụng cho hoạt động dự án 118.286,8m³, còn lại 474.488,7m³ được lưu giữ tại bãi thải trong KCNC. Việc quản lý đất, đá thải này phải thực hiện đúng theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác có liên quan. Không được vận chuyển ra ngoài khi chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

+ Chất thải nguy hại: Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp để kiểm soát ảnh hưởng do các chất thải nguy hại. Hạn chế việc sửa chữa xe, máy móc thi công tại công trường.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác liên quan. Chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

b) Công trình, biện pháp quản lý giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Các Nhà máy trong KCNC và đơn vị quản lý hạ tầng KCNC thu gom toàn bộ chất thải sinh hoạt vào các thùng chứa, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với các Nhà máy trong KCNC: Tùy theo loại hình và quy mô hoạt động của từng doanh nghiệp, Chủ dự án sẽ thu gom, tái sử dụng và hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chủ đầu tư: Thu gom toàn bộ chất thải phát sinh của Dự án sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Bùn thải hệ thống xử lý: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, quản lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Chất thải rắn nguy hại:

+ Đối với các Nhà máy trong KCN: Chủ dự án thu gom, xây dựng kho chứa và hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chủ đầu tư: Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh của Dự án, sau đó hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

a) Giai đoạn xây dựng:

- Thiết bị máy móc xây dựng luôn được kiểm tra kỹ thuật và hoạt động trong tình trạng tốt nhất để đạt các tiêu chuẩn về phát sinh tiếng ồn và rung cho thiết bị xây dựng.

- Máy móc gây ra tiếng ồn và rung lớn: Hạn chế tối đa làm việc từ 23 giờ đêm đến 5 giờ sáng. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở thiết bị như máy khoan, máy xúc, máy ủi, xe lu.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Các Nhà máy thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; vận hành thiết bị đúng theo công suất.

- Tiến hành trồng cây xanh trong các Nhà máy và khuôn viên của KCN.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Giảm thiểu tác động của bom mìn, vật liệu nổ: Thuê đơn vị chuyên ngành có năng lực thực hiện rà phá bom mìn, vật nổ trước khi tiến hành các hoạt động xây dựng. Thực hiện theo QCVN 01:2012/BQP Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn, vật nổ.

- Giảm thiểu đến hạ tầng kỹ thuật, an toàn giao thông: Các phương tiện tham gia vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ Dự án luôn phải chấp hành nội quy công trường.

- Biện pháp an toàn trong quá trình nổ mìn thi công hồ điều tiết nước: Thuê đơn vị có chức năng để thực hiện công tác nổ mìn và thực hiện nghiêm các quy định tại QCVN 01:2019/BCT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

- Biện pháp giảm thiểu các sự cố vỡ hồ, sạt lở: Thực hiện việc thi công hồ chứa đúng hồ sơ thiết kế được duyệt; vào mùa khô đắp đê vây chặn dòng để thi công phần tràn xả lũ và nạo vét đáy lòng hồ đến cao trình thiết kế.

- Phòng ngừa sự cố đối với các công trình, thiết bị xử lý môi trường: Chủ dự án thực hiện nghiêm túc quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Phòng chống sự cố đuối nước: Đặt biển báo hoặc cảnh báo nguy hiểm khu vực hồ điều tiết chống hạn, hồ Lồ Chài; trang bị các thiết bị cứu sinh để sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

V. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong quá trình thi công:

a) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: Lượng phát sinh, thành phần.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

b) Giám sát sụt lún:

- Thông số giám sát: Mức độ sụt lún, sụt lún của công trình.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng các hạng mục công trình (hồ điều tiết, bãi thải chứa đất đá).
- Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình thi công.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành:

a) Giám sát chất lượng nước thải:

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, TSS, BOD, COD, Amoni.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí (Đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải).
- Tần suất giám sát: 04 lần/năm.
- Quy chuẩn kỹ thuật so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q=1$; $K_f=1,1$) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.
- + Số lượng: 01 trạm.
- + Vị trí lắp đặt: Sau bể khử trùng nước thải sau xử lý.
- + Lắp đặt camera theo dõi quan trắc nước thải sau xử lý và kết nối đường truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp:
- + Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần.
- + Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- + Vị trí giám sát: Vị trí tập kết rác thải của Dự án.
- Giám sát chất thải nguy hại:
- + Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải.
- + Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- + Vị trí giám sát: Kho lưu chứa chất thải nguy hại của Dự án.

c) Giám sát sụt lún, sụt lún, ngập úng:

- Thông số giám sát: Mức độ sạt lở, sụt lún, ngập úng.
- Vị trí giám sát: Hồ điều tiết chống hạn và hồ Lỗ Chài.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

VI. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

6.1. Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của Dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành; triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; tuân thủ các quy định tại Luật Đất đai 2013, các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và các quy định khác có liên quan.

6.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình Dự án; thiết kế, lựa chọn và lập phương án thi công bảo đảm về chiều cao, kỹ thuật và hạn chế tối đa tác động tới cảnh quan, hệ sinh thái, gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công.

6.3. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

6.4. Điều chỉnh, bổ sung diện tích đầu tư của Dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.5. Chỉ được tiếp nhận các loại hình đầu tư vào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6.6. Chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu hồ sơ thiết kế được phê duyệt; chịu trách nhiệm về thông tin số liệu của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; chất lượng xây dựng công trình theo Dự án, hồ sơ thiết kế được phê duyệt; không để xảy ra tác động xấu đến các công trình lân cận; khi phát hiện có dấu hiệu, khả năng xảy ra sự cố, khẩn trương giải quyết theo thẩm quyền; báo cáo cơ quan có thẩm quyền để chỉ đạo, phối hợp xử lý theo quy định.

6.7. Chịu trách nhiệm và thực hiện các biện pháp thoát nước mưa, nước thải, giám sát sụt lún, sạt lở, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thi công thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.8. Đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN

26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành.

6.9. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo đảm giữ gìn cảnh quan, môi trường hệ sinh thái tự nhiên.

6.10. Chỉ được phép đổ thải các loại đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí đã được cơ quan chức năng chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

6.11. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành đất đai, xây dựng, an toàn giao thông, phòng chống lụt bão, an toàn đập, hồ chứa nước. Chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề khiếu nại, khiếu kiện của người dân, các đối tượng khác liên quan đến Dự án.

6.12. Thực hiện các biện pháp phòng chống sạt lở, ngập úng cục bộ, theo dõi liên tục, kiểm tra phát hiện sự cố môi trường, các hiện tượng xói mòn, sạt lở tại khu vực Dự án; trong quá trình thi công nếu để xảy ra sạt lở ảnh hưởng đến các công trình xây dựng phải dừng ngay hoạt động thi công và phối hợp với các cơ quan và địa phương có liên quan để khắc phục và đền bù thiệt hại theo quy định pháp luật.

6.13. Chịu trách nhiệm giám sát theo Quy định của Thông tư 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; thiết kế xây dựng, quản lý vận hành hồ chứa tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

6.14. Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết, thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ, các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện, các công trình khu vực Dự án và lân cận.

6.15. Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng theo quy định, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.16. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp trong quá trình triển khai Dự án, nếu có những thay đổi thông tin, số liệu của Dự án so với thông tin, số liệu tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh, thống nhất theo quy định.

6.17. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu về hoạt động, quản lý, vận hành và thực hiện giám sát môi trường để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát theo quy định./.